

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 50/2025/DS-PT

Ngày: 30 - 9 -2025

V/v Tranh chấp di sản thừa kế,
xác định tài sản chung vợ chồng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Quang
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền
Ông Nguyễn Khắc Hoàn

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Khánh Chi - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự Thụ lý số 29/2025/TBTL-TA ngày 21 tháng 8 năm 2025 về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế, xác định tài sản chung vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1935. Địa chỉ: Số nhà XXX, tổ dân phố H, xã C, tỉnh Hà Tĩnh. *Vắng mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn B, xã T, TP H (nay là xã Đ), tỉnh Hà Tĩnh. *Xin vắng mặt.*

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Đặng Thị Phương A - Luật sư Công ty luật TNHH H, đoàn luật sư tỉnh Hà Tĩnh. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Anh Ngô Đức V, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số nhà YYY, tổ dân phố H, xã C, tỉnh Hà Tĩnh. *Có mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Gia T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn M, xã C, tỉnh Hà Tĩnh. *Có mặt.*

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND xã C, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T – Phó chủ tịch; ông Nguyễn Thái D – Trưởng phòng kinh tế. *Xin xét xử vắng mặt.*

3.2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số nhà CCC, tổ dân phố H, xã C, tỉnh Hà Tĩnh. *Có mặt.*

3.3. Anh Ngô Đức H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số EEE, đường C, phường M, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

3.4. Chị Ngô Thị Thu H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số YYY, đường C, phường M, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

3.5. Anh Ngô Đức H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số XXX, đường C, phường M, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

3.6. Anh Ngô Đức A, sinh năm 2007. Địa chỉ: Số EEE, đường C, phường M, tỉnh Lâm Đồng. Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1967, địa chỉ: Số XXX, đường C, phường M, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc H, anh Ngô Đức A, anh Ngô Đức H, anh Ngô Đức H, chị Ngô Thị Thu H: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn B xã T, TP H (nay là xã Đồng T), tỉnh Hà Tĩnh. Xin vắng mặt.

3.7. Chị Ngô Thị H, sinh năm 1963. Địa chỉ: Xóm L, xã Q, tỉnh Nghệ An. *Vắng mặt.*

3.8. Anh Lương Tấn T, sinh năm 2005. Địa chỉ: Xóm L, xã Q, tỉnh Nghệ An. *Vắng mặt.*

3.9. Anh Lương Tấn Đ, sinh năm 2001. Địa chỉ: Xóm L, xã Q, tỉnh Nghệ An. *Vắng mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của chị Ngô Thị H, anh Lương Tấn T, anh Lương Tấn Đ: Bà Đặng Thị Phương A - Luật sư Công ty luật TNHH H, đoàn luật sư tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án (và tại phiên tòa), nguyên đơn bà Lê Thị L và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà Lê Thị L và ông Ngô Đức L (*mất năm 2022*) sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1955 và có 04 người con chung: Con trai đầu là Ngô Đức H, sinh năm 1960, *mất năm 2018 (ông Ngô Đức H có vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1967, vợ chồng ông H bà H có 04 người con là Ngô Đức H, Ngô Thị Thu H, Ngô Đức H, Ngô Đức A)*. Con gái thứ hai là Ngô Thị H, con trai thứ ba là Ngô Đức V và con gái thứ tư là Ngô Thị V. Quá trình chung sống, vợ chồng ông L, bà L tạo lập được khối tài sản chung là phần đất có diện tích khoảng 200m² thuộc thửa đất số XX, tờ bản đồ số YY tại TDP H, thị trấn N, huyện C (*nay là xã C*), tỉnh Hà Tĩnh. Nguồn gốc thửa đất này là do vợ chồng bà mua từ UBND xã T từ những năm 1990. Sau khi mua đất, vợ chồng bà L quản lý, sử dụng đất và đã được UBND huyện C ban hành Quyết định cấp đất mang tên ông Ngô Đức L. Đến năm 2001, vợ chồng bà cho con trai thứ ba là Ngô Đức V mượn đất để làm nhà ở, từ đó đến nay ông V vẫn quản lý và sử dụng phần đất trên. Năm 2022, ông

Ngô Đức L chết và không để lại di chúc; sau khi ông L chết, bà L và các con đã yêu cầu ông V thống nhất chia di sản của ông L để lại nhưng ông V không đồng ý và đã dấu Quyết định cấp đất mang tên ông Ngô Đức L để bà L không thể làm thủ tục yêu cầu chia thừa kế. Việc này đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L và những người đồng thừa kế khác là bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị V và 04 người thừa thế vị của ông Ngô Đức H là các cháu Ngô Đức H, Ngô Thị Thu H, Ngô Đức H, Ngô Đức A. Do đó, bà Lê Thị L làm đơn khởi kiện để yêu cầu TAND huyện C giải quyết các vấn đề sau:

Xác định phần tài sản của bà Lê Thị L trong khối tài sản chung với ông Ngô Đức L là phần đất có diện tích khoảng 200m² thuộc thửa đất số XX, tờ bản đồ số YY tại TDP H, thị trấn N, huyện C (nay là xã C), tỉnh Hà Tĩnh.

Chia di sản thừa kế của ông Ngô Đức L là phần đất của ông L trong khối tài sản chung với bà L là thửa đất trên cho bà Lê Thị L và những người đồng thừa kế khác là ông Ngô Đức V, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị V và 04 người thừa thế vị của ông Ngô Đức H là Ngô Đức H, Ngô Thị Thu H, Ngô Đức H, Ngô Đức A.

Buộc ông Ngô Đức V tháo dỡ, di dời các công trình xây dựng kiên cố trên thửa đất đang tranh chấp.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ngô Đức V, trình bày:*

Bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Ngô Đức L (bố ruột của ông V) đối với thửa đất có diện tích 200 m². Thửa đất nói trên có nguồn gốc được UBND huyện C giao cho ông Ngô Đức L theo Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 22/11/1991. Hiện trạng lúc giao đất là vũng trũng, hồ sâu, bùn lầy sâu hơn một mét. Đến năm 1992, ông L, bà L đã tặng cho ông V toàn bộ quyền sử dụng thửa đất, tuy nhiên do có quan hệ cha mẹ con với nhau nên việc tặng cho thời điểm bấy giờ giữa hai bên không lập giấy tờ. Sau đó, ông V đã bỏ nhiều tiền của và công sức san lấp, bồi đắp mặt bằng và xây dựng nhà ở kiên cố vào năm 1998, sử dụng ổn định, công khai, liên tục, không ai có ý kiến phải đổi, tranh chấp từ đó cho đến nay. Quá trình sử dụng thửa đất vào ngày 12/04/2012, giữa ông V và ông L lập giấy chuyển nhượng toàn bộ QSDĐ nói trên cho ông V và được UBND xã Tđóng dấu xác nhận. Ngoài ra, vào ngày 16/11/2020, ông L và bà L cũng đã lập “Bản di chúc quyền thừa kế tài sản, đất vườn ở” được UBND thị trấn Nghêu đóng dấu xác nhận với nội dung giao quyền thừa kế toàn bộ QSDĐ được UBND huyện C giao theo quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 22/11/1991 cho vợ chồng ông V. Do vậy, việc bà L khởi kiện để chia di sản của ông Ngô Đức L và xác định phần tài sản của bà L trong khối tài sản chung với ông Ngô Đức L là hoàn toàn không có cơ sở, ông V không đồng ý.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị V, thống nhất trình bày :*

Cha mẹ bà Hà, bà Vân là ông Ngô Đức L và bà Lê Thị L, trú tại TDP H, xã C, tỉnh Hà Tĩnh. Ông L, bà L có tất cả 04 người con gồm: ông Ngô Đức H, sinh năm 1960; bà Ngô Thị H, sinh năm 1963; ông Ngô Đức V, sinh năm 1971 và bà Ngô Thị V, sinh năm 1973.

Quá trình chung sống, ông L, bà L tạo lập được khối tài sản chung là phần đất có diện tích khoảng 200m² thửa đất số XX, tờ bản đồ số YY. Năm 2022, ông Ngô Đức L mất, không để lại di chúc; từ khi ông L mất đến nay, bà L yêu cầu ông V chia thừa kế di sản của ông L nhưng ông V không đồng ý. Do vậy, nay bà L làm đơn yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản của bà Lê Thị L trong khối tài sản chung với ông Ngô Đức L là phần đất có diện tích khoảng 200m² thuộc thửa đất số XX, tờ bản đồ số YY. Đồng thời, chia di sản thừa kế của ông Ngô Đức L trong khối tài sản chung là thửa đất trên cho bà L theo quy định của pháp luật. Do đó, Bà Hà, bà Vân yêu cầu được chia di sản thừa kế của ông Ngô Đức L trong khối tài sản chung với bà Lê Thị L là thửa đất có diện tích khoảng 200m² theo quy định của pháp luật.

** Ông Ngô Đức H, chị Ngô Thị Thu H, anh Ngô Đức H, anh Ngô Đức A (là các đồng thừa kế của ông Ngô Đức H):* Đề nghị thống nhất trình bày như lời khai của bà Ngô Thị H, Ngô Thị V và có đơn từ chối nhận di sản thừa kế.

** Quá trình giải quyết vụ án Ủy ban nhân dân thị trấn N có quan điểm:*

Nguồn gốc thửa đất số XX, tờ bản đồ 74 tại TDP H, thị trấn N, theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất xóm 11, xã Tnay là thị trấn N; thuộc thửa đất số XX, tờ bản đồ 24, diện tích 238,3m². Mục đích sử dụng đất ở Theo bản đồ địa chính thị trấn Nthuộc thửa đất số XX, tờ bản đồ số YY, diện tích 238,3m², mang tên Ngô Đức L. Theo sổ Mục kê bản đồ đo đạc năm 2010, thửa đất số XX, tờ bản đồ số YY, diện tích 238,3m², mang tên Ngô Đức L; loại đất: ODT. Không có tên Ngô Đức L trong sổ địa chính bản đồ địa chính xã T Lộc, nay là thị trấn N. Không có tên trong sổ cấp GCNQSDĐ xã T Lộc, nay là thị trấn N.

Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại UBND thị trấn Nthì không có thông tin về thửa đất. Kết quả giải quyết của UBND thị trấn Nvề nội dung mà Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Hồng Lĩnh - Hà Tĩnh đề nghị làm rõ việc sửa chữa diện tích tại Quyết định số 478/QĐ-UB ngày 22/11/1991 của UBND huyện C. Năm 2023 UBND thị trấn Ntổ chức làm việc hoà giải nhưng không thành do các thành phần liên quan không tham dự, việc sửa chữa do UBND huyện C thực hiện.

** Kết quả thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 28/3/2025 thể hiện:*

- Về đất: Thửa đất số XX, tờ bản đồ số có diện tích đo đạc thực tế là 200m² có tứ cận như sau: Phía Đông giáp hành lang QL 1A dài 11,83m. Phía Tây giáp thửa đất số 138 dài 12,30m. Phía Bắc giáp thửa đất số 27, dài 17,20m. Phía Nam giáp thửa đất số 32 dài 16,30m.

- Về tài sản trên đất: 01 ngôi nhà xây dựng từ năm 1993, diện tích 56.7m², có đặc điểm như sau: Móng bê tông cốt thép kết hợp xây gạch đá, khung chịu lực; tường bao xây bằng gạch taplo 150; chiều cao học 2,5m. Nền lát gạch ceramic; tường sơn; mái đổ bê tông cốt thép, không lợp. Cửa chính, cửa sổ đều làm bằng gỗ dổi có tổng diện tích 12 m². Có khu vệ sinh, không có hệ thống phòng cháy, chữa cháy, hệ thống điện đầy đủ.

Một kiot móng bê tông cốt thép kết hợp xây gạch đá, tường chịu lực xây gạch tap lô 150 hệ thống xà gồ bằng sắt, lợp tôn, có diện tích 13 m². Một mái

che có hệ thống xà gồ bằng sắt, lợp tôn có diện tích 26m². Một mái che có hệ thống xà gồ bằng gỗ lợp broximăng có diện tích 19 m².

Kết quả định giá tài sản tổng giá trị tài sản là 1.763.498.300 đồng, trong đó: 200m² đất thửa đất số XX, tờ bản đồ số YY tại TDP H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh trị giá 1.400.000.000 đồng; Nhà cửa, vật kiến trúc trên đất trị giá 363.498.300 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DSST ngày 26/6/2025 và văn bản sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 01/2025/QĐ-SCBSBA ngày 20/8/2025 của TAND huyện C (nay là TAND Khi vực 3, tỉnh Hà Tĩnh):

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 2 điều 147, khoản 2 điều 157, khoản 2 điều 165, điều 227, điều 228, điều 271, điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các điều 611, 612, 613, khoản 2 điều 616, điều 623, điểm b khoản 1 điều 650, điều 651, điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điểm đ khoản 1 điều 12; điểm a khoản 7 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc xác định tài sản trong khối tài sản chung với ông Ngô Đức L: Xác định 100m² đất ở của thửa đất số XX, tờ bản đồ số YY tại TDP H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, trị giá 700.000.000đồng (bảy trăm triệu đồng) có tứ cận: Phía Đông giáp hành lang quốc lộ 1A dài 5,43m; phía Tây giáp thửa đất số 138 dài 6,46m; phía Nam giáp thửa đất số 32 dài 16,30m; phía Bắc giáp nhà kiên cố của ông Ngô Đức V là một đường gấp khúc dài 17,69m (phần giáp nhà ông V dài 5,43m, phần gấp khúc dài 0,88m, phần giáp đất trống phía sau nhà anh Ngô Đức V dài 11,38m) là tài sản của bà Lê Thị L.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về chia thừa kế đối với di sản của ông Ngô Đức L:

- Chia cho ông Ngô Đức V được quyền quản lý, sử dụng 100m² đất ở của thửa đất số XX, tờ bản đồ số YY tại TDP H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, trị giá 700.000.000đồng (Bảy trăm triệu đồng), có tứ cận: Phía Đông giáp hành lang quốc lộ 1A dài 6,40m; phía Tây giáp thửa đất số 138 dài 5,86m; phía Nam giáp phần đất của bà Lê Thị L là một đường gấp khúc dài 17,69m được chia thành ba khúc, khúc thứ nhất dài 5,43m, khúc thứ hai dài 0,88m và khúc thứ ba dài 11,38m); phía Bắc giáp thửa đất số 27 dài 17,20m

- Buộc ông Ngô Đức V thanh toán cho bà Lê Thị L, bà Ngô Thị H, anh Lương Tấn Đ, anh Lương Tấn T giá trị kỷ phần thừa kế. Cụ thể: Thanh toán cho bà Lê Thị L, bà Ngô Thị H mỗi người số tiền 116.666.000 đồng (một trăm mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng); thanh toán cho anh Lương Tấn T, anh Lương Tấn Đ mỗi người số tiền 58.333.000 đồng (năm mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/7/2025, bị đơn ông Ngô Đức V kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm 05/2025/DSST ngày 26/6/2025 của TAND huyện C (nay là TAND khu vực 3, tỉnh Hà Tĩnh).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Ngô Đức V vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 148 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc xác định tài sản trong khối tài sản chung với ông Ngô Đức L là 100m² thửa đất số XX, tờ bản đồ số YY có tứ cận: Phía Đông giáp hành lang quốc lộ 1A dài 5,43m; phía Tây giáp thửa đất số 138 dài 6,46m; phía Nam giáp thửa đất số 32 dài 16,30m; phía Bắc giáp nhà kiên cố của ông Ngô Đức V là một đường gấp khúc dài 17,69m (phần giáp nhà ông V dài 5,43m, phần gấp khúc dài 0,88m, phần giáp đất trống phía sau nhà anh Ngô Đức V dài 11,38m) là tài sản của bà Lê Thị L.

Trường hợp ông Ngô Đức V và những người khác có công trình xây dựng, vật kiến trúc, cây cối và các tài sản khác nằm trên phần đất giao cho bà Lê Thị L nêu trên thì có trách nhiệm phải tháo dỡ, dời dọn để trả lại đất cho bà Lê Thị L.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về chia thừa kế đối với di sản 100 m² của ông Ngô Đức L

- Chia cho ông Ngô Đức V được quyền quản lý, sử dụng 100m² đất của thửa đất đất số XX, tờ bản đồ số YY có tứ cận: Phía Đông giáp hành lang quốc lộ 1A dài 6,40m; phía Tây giáp thửa đất số 138 dài 5,86m; phía Nam giáp phần đất của bà Lê Thị L là một đường gấp khúc dài 17,69m được chia thành ba khúc, khúc thứ nhất dài 5,43m, khúc thứ hai dài 0,88m và khúc thứ ba dài 11,38m); phía Bắc giáp thửa đất số 27 dài 17,20m².

- Ông Ngô Đức V không phải thanh toán cho bà Lê Thị L, bà Ngô Thị H mỗi người số tiền 116.666.000 đồng; anh Lương Tấn T, anh Lương Tấn Đ mỗi người số tiền 58.333.000 đồng .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

[I] Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị L khởi kiện bị đơn ông Ngô Đức V về việc yêu cầu xác định phần tài sản của nguyên đơn trong khối tài sản chung với ông Ngô Đức L và chia di sản thừa kế

của ông Ngô Đức L trong khối tài sản chung với nguyên đơn cho nguyên đơn và các đồng thừa kế, thừa kế thế vị, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp di sản thừa kế; xác định tài sản chung vợ chồng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn Ngô Đức V và tài sản đang tranh chấp có địa chỉ tại tổ dân phố H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh). Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện C (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh) thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện:* Ông Ngô Đức L chết ngày 24/3/2022, căn cứ theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại mục I Giải đáp số 01/2018/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 thì việc khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Ngô Đức L để lại vẫn còn thời hiệu.

[II] Về nội dung:

[1] *Việc xác định quan hệ vợ chồng giữa ông Ngô Đức L và bà Lê Thị L:*

Ông Ngô Đức L và bà Lê Thị L sống chung với nhau từ năm 1955 đến năm 2022 (thời điểm ông Ngô Đức L chết). Trong quá trình chung sống, ông bà có với nhau 04 người con chung là ông Ngô Đức H (sinh năm 1960), bà Ngô Thị H (sinh năm 1963), ông Ngô Đức V (sinh năm 1971), bà Ngô Thị V (sinh năm 1973). Các tài liệu chứng cứ để xác nhận ông L và bà L là vợ chồng được thể hiện tại: Bản tự khai của nguyên đơn bà Lê Thị L, bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị V, bà Ngô Thị Thu H, ông Ngô Đức H, ông Ngô Đức H, ông Ngô Đức A; Đơn xin xác nhận quan hệ vợ chồng ngày 03/02/2023 của bà Lê Thị L được đại diện TDP H và UBND thị trấn N xác nhận ông L bà L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1955; Thông báo định danh của bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị V thể hiện tên cha ông Ngô Đức L, tên mẹ bà Lê Thị L. Bị đơn Ngô Đức V thừa nhận ông L, bà L là cha mẹ đẻ. Từ đó có căn cứ để khẳng định ông Ngô Đức L và bà Lê Thị L sống chung với nhau và có với nhau 04 người con chung.

Căn cứ Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 2, Điều 44 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP Nghị định chính phủ xác định quan hệ giữa ông Ngô Đức L và bà Lê Thị L sống chung với nhau như vợ chồng trước năm 1987 là hôn nhân thực tế, các con của ông bà đều thừa nhận. Tuy ông bà không đăng ký kết hôn nhưng vẫn được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng.

[2] *Về việc xác định tài sản chung của ông Ngô Đức L bà Lê Thị L:*

Tại văn bản số 20/UBND ngày 26/3/2024 và văn bản số 37/UBND-ĐC ngày 04/6/2025 của UBND thị trấn N xác nhận tại bản đồ địa chính thị trấn N và sổ mục kê bản đồ đo đạc năm 2010 thì thửa đất số XX, tờ bản đồ số YY ta TDP

H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh mang tên ông Ngô Đức L, thửa đất chưa được cấp Giấy CNQSD đất. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận thửa đất nói trên là của ông Ngô Đức L và bà Lê Thị L. Bị đơn cũng xác nhận thửa đất nói trên được UBND huyện C giao cho ông Ngô Đức L theo quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 22/11/1991, thửa đất số XX, tờ bản đồ số YY được giao cho ông Ngô Đức L và bà Lê Thị L. Tại thời điểm giao đất thì ông L và bà L đang trong mối quan hệ vợ chồng. Theo quy định tại Điều 33, Luật HNGĐ năm 2014 có căn cứ để xác định thửa đất số XX, tờ bản đồ số YY, có diện tích 200 m² là tài sản chung hợp nhất của ông L, bà L.

Về phần tài sản của bà Lê Thị L trong khối tài sản chung: Năm 2022 ông Ngô Đức L chết. Căn cứ khoản 1 Điều 29 và khoản 2 Điều 66 Luật HNGĐ năm 2014 có căn cứ để xác định $\frac{1}{2}$ thửa đất số XX, tờ bản đồ số YY tại thuộc quyền quản lý sử dụng hợp pháp của bà Lê Thị L, $\frac{1}{2}$ còn lại thuộc quyền quản lý sử dụng hợp pháp của ông Ngô Đức L.

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Thửa đất số XX, tờ bản đồ số có diện tích đo đạc thực tế là 200m² có tứ cận như sau: Phía Đông giáp hành lang QL 1A dài 11,83m. Phía Tây giáp thửa đất số 138 dài 12,30m. Phía Bắc giáp thửa đất số 27, dài 17,20m. Phía Nam giáp thửa đất số 32 dài 16,30m. Trong đó xác định 100m² của thửa đất số XX, tờ bản đồ số YY có tứ cận: phía Đông giáp hành lang QL là dài 5,43m; phía Tây giáp thửa đất số 138 dài 6,46m; phía Nam giáp thửa đất số 32 dài 16,30m; phía Bắc giáp nhà kiên cố của ông Ngô Đức V là một đường gấp khúc dài 17,69m (phần giáp nhà ông V dài 5,43m, phần gấp khúc dài 0,88m, phần giáp đất trống phía sau nhà anh Ngô Đức V dài 11,38m) đang là đất trống nên bản án sơ thẩm xác định phần đất này là tài sản của bà Lê Thị L là phù hợp; 100m² đất còn lại của thửa đất số XX, tờ bản đồ số YY có tứ cận: Phía Đông giáp hành lang QL 1A dài 6,40m, phía Tây giáp thửa đất số 138 dài 5,86m; phía Nam giáp phần đất của bà Lê Thị L là một đường gấp khúc dài 17,69m được chia thành ba khúc, khúc thứ nhất dài 5,43m, khúc thứ hai dài 0,88m và khúc thứ ba dài 11,38m); phía Bắc giáp thửa đất số 27 dài 17,20m, trên phần đất này có nhà ở, các công trình xây dựng và các tài sản của vợ chồng ông Ngô Đức V, bà Nguyễn Thị H, cấp sơ thẩm xác định phần đất là di sản của ông Ngô Đức L là phù hợp.

[3]Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Ngô Đức L:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Ngô Đức V có xuất trình bản di chúc photocopy của ông Ngô Đức L và bà Lê Thị L, mặc dù Tòa án đã yêu cầu cung cấp bản gốc để làm căn cứ xem xét giải quyết nhưng anh Ngô Đức V không cung cấp nên cấp sơ thẩm xác định bản di chúc mà anh Ngô Đức V xuất trình là không hợp pháp. Do đó di sản của ông Ngô Đức L được cấp sơ thẩm chia theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 650 Bộ luật dân sự là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, ông Ngô Đức V cung cấp: 01 bản di chúc có công chứng của UBND Thị trấn N của ông Ngô Đức L và bà Lê Thị L ngày 16/11/2020 có nội dung ông Ngô Đức L và bà Lê Thị L giao quyền thừa kế thửa đất vườn có diện tích 200m² cho con trai là ông Ngô Đức V và con dâu là bà Nguyễn Thị H; 01 Giấy chuyển nhượng vườn được ông Ngô Đức L lập ngày 12/4/2012 có xác

nhận của UBND xã T thể hiện nội dung ông Ngô Đức L chuyển nhượng quyền sở hữu vườn ở cho con trai thứ hai là Ngô Đức V và con dâu Nguyễn Thị H.

Xét bản di chúc được lập vào ngày 16/11/2020, thấy nội dung và hình thức của bản di chúc do ông L và bà L hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 630, 631 của Bộ luật dân sự năm 2015; di chúc có công chứng của UBND thị trấn Ntheo quy định tại Điều 636 Bộ luật dân sự năm 2015; tại thời điểm ông L và bà L lập di chúc không có ai thuộc diện người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc theo quy định tại Điều 644 Bộ luật dân sự 2015, ngoài bản di chúc này thì không còn một bản di chúc nào khác. Do đó, theo quy định tại Điều 624, Điều 659 Bộ luật dân sự xác định di sản của ông Ngô Đức L để lại là thửa đất đang tranh chấp được chia theo di chúc. Căn cứ vào Trích lục khai tử xác định ông Ngô Đức L chết ngày 24/3/2022; Bản di chúc được lập 16/11/2020, nội dung bản di chúc thể hiện ý chí, nguyện vọng của ông L, bà L là giao quyền thừa kế thửa đất có diện tích 200 m², tại TDP H, xã C, tỉnh Hà Tĩnh cho vợ chồng ông V và bà Hậu.

Xét thấy, Giấy chuyển nhượng được lập vào năm 2012, đến năm 2020 ông Ngô Đức V vẫn chưa lập hồ sơ đăng ký biến động đất đai và các thủ tục để được cấp Giấy CNQSD đất theo quy định tại Điều 100 luật đất đai 2013, nên ông V chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa đất được ông L chuyển nhượng.

[4] Việc bà Lê Thị L thay đổi ý chí, khởi kiện đòi chia di sản thừa kế:

Xét thấy, thửa đất là tài sản chung của ông Ngô Đức L và bà Lê Thị L trong thời kỳ hôn nhân, theo quy định Luật Hôn nhân gia đình, xác định ông L, bà L mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ thửa đất đang tranh chấp có diện tích 200m² (tức là 200m²: 2=100m²) ông L được quyền sử dụng 100m², bà L được quyền sử dụng 100m². Phần diện tích 100m² đất của bà L nay bà thay đổi không giao cho ông Ngô Đức V thừa kế nên bà được quyền sử dụng; đối với phần diện tích 100m² đất của ông L trước khi ông L mất đã lập di chúc giao quyền thừa kế cho ông V. Do đó di chúc được xác định có hiệu lực một phần, vợ chồng ông V và bà Hậu được hưởng 100m² đất là di sản thừa kế của ông L để lại theo bản di chúc do ông L lập ngày 16/11/2020.

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị H, anh Lương Tấn T, anh Lương Tấn Đ cho rằng mình là vợ, con, cháu của ông Ngô Đức L là hàng thừa kế thứ nhất và thế vị theo quy định của pháp luật:

Xét thấy trước khi chết ông L đã để lại di chúc giao quyền thừa kế thửa đất cho vợ chồng ông Ngô Đức V và Nguyễn Thị H. Do đó, không có căn cứ để chia di sản thừa kế, xác định hàng thừa kế theo quy định tại Điều 650, 651, 652 Bộ luật dân sự. Nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Lê Thị L, bà Ngô Thị H, anh Lương Tấn T, Lương Tấn Đ.

[6] Đối với yêu cầu buộc bị đơn ông Ngô Đức V tháo dỡ, di dời các công trình mà ông V đã xây dựng:

Căn cứ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/3/2025, xác định trên phần đất 100m² được xác định là tài sản của bà Lê Thị L được hưởng không có nhà, công trình xây dựng kiên cố của ông Ngô Đức V. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm ông V trình bày trên phần thửa đất cấp sơ thẩm giao cho bà L có một số tài sản như mái che, sân bê tông, bếp nấu, chuồng trại chăn nuôi, cây cối...của vợ chồng ông V tạo lập. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã ba lần T hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với thửa đất tranh chấp, nhưng bị đơn ông Ngô Đức V chống đối không hợp tác, đóng cổng không cho vào nên Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản căn cứ vào Văn bản kê khai các tài sản của bị đơn có trên phần đất tranh chấp của ông Nguyễn Gia T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn để thẩm định và định giá tài sản. Căn cứ văn bản trên thì không có những tài sản ông V trình bày tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó trong trường hợp nếu có các tài sản do ông V hoặc người khác tạo lập trên phần đất thì buộc ông V và những người có liên quan phải di dời, tháo dỡ để trả phần đất này cho bà Lê Thị L.

[7.] Đối với trình bày của bị đơn ông Ngô Đức V tại phiên tòa phúc thẩm về việc cấp sơ thẩm không tính công sức tôn tạo, giữ gìn thửa đất của vợ chồng ông V:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Ngô Đức V cho rằng quá trình sử dụng thửa đất vợ chồng ông có công tôn tạo, giữ gìn, bồi đắp làm tăng giá trị thửa đất. Tuy nhiên, xét thấy tại cấp sơ thẩm ông V không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như trong các lần Tòa án T hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; đồng thời tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm ông V không cung cấp được bất kỳ chứng cứ tài liệu nào để chứng minh công sức tôn tạo, bồi đắp để làm tăng giá trị thửa đất, nên không có căn cứ để cấp phúc thẩm xem xét đối với yêu cầu này.

Căn cứ các tình tiết, tài liệu, chứng cứ mới phát sinh và các phân tích, nhận định nêu trên, có căn cứ để chia di sản thừa kế của ông Ngô Đức L theo nội dung di chúc lập ngày 16/11/2020 của ông Ngô Đức L và bà Lê Thị L; không có căn cứ để chia di sản thừa kế theo pháp luật như quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DSST ngày 26/6/2025 của TAND huyện C (nay là TAND Khi vực 3, tỉnh Hà Tĩnh). Xét thấy, đây là những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, cần sửa Bản án sơ thẩm vì nguyên nhân khách quan.

[III] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 11.290.000 đồng. Bà Lê Thị L đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí này. Các đương sự phải chịu chi phí theo tỷ lệ giá trị tài sản được chia theo quy định tại khoản 2 điều 157, khoản 2 điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự để hoàn trả lại cho bà Lê Thị L.

[IV] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Ngô Đức V, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị di sản được hưởng theo quy định tại khoản 2 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

điểm a khoản 7 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Ngô Đức V: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DSST ngày 26/6/2025 của TAND huyện C (nay là TAND Khi vực 3, tỉnh Hà Tĩnh)

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 611, 612, 613, khoản 2 Điều 616, Điều 623, Điều 624, khoản 3 Điều 628, Điều 630, Điều 640, Điều 643, Điều 659 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc xác định tài sản trong khối tài sản chung với ông Ngô Đức L: Xác định 100m² đất ở của thửa đất số XX, tờ bản đồ số YY tại TDP H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, trị giá 700.000.000đồng (bảy trăm triệu đồng) có tứ cận: Phía Đông giáp hành lang quốc lộ 1A dài 5,43m; phía Tây giáp thửa đất số 138 dài 6,46m; phía Nam giáp thửa đất số 32 dài 16,30m; phía Bắc giáp nhà kiên cố của ông Ngô Đức V là một đường gấp khúc dài 17,69m (phần giáp nhà ông V dài 5,43m, phần gấp khúc dài 0,88m, phần giáp đất trống phía sau nhà anh Ngô Đức V dài 11,38m) là tài sản của bà Lê Thị L.

Trường hợp ông Ngô Đức V và những người khác có công trình xây dựng, vật kiến trúc, cây cối và các tài sản khác nằm trên phần đất giao cho bà Lê Thị L nêu trên thì buộc phải tháo dỡ, dời dọn để trả lại đất cho bà Lê Thị L.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về chia thừa kế đối với di sản 100m² của ông Ngô Đức L:

- Chia cho ông Ngô Đức V, bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng 100m² đất ở của thửa đất số XX, tờ bản đồ số YY tại TDP H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, trị giá 700.000.000đồng (bảy trăm triệu đồng) có tứ cận: Phía Đông giáp hành lang quốc lộ 1A dài 6,40m; phía Tây giáp thửa đất số 138 dài 5,86m; phía Nam giáp phần đất của bà Lê Thị L là một đường gấp khúc dài 17,69m được chia thành ba khúc, khúc thứ nhất dài 5,43m, khúc thứ hai dài 0,88m và khúc thứ ba dài 11,38m); phía Bắc giáp thửa đất số 27 dài 17,20m².

- Ông Ngô Đức V không phải thanh toán cho bà Lê Thị L, bà Ngô Thị H mỗi người số tiền 116.666.000 đồng; không phải thanh toán cho anh Lương Tấn T, anh Lương Tấn Đ mỗi người số tiền 58.333.000 đồng .

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà bà Lê Thị L đã nộp là 11.290.000 đồng. Bà Lê Thị L phải chịu 5.645.000 đồng (Năm triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) chi phí tố tụng. Do đó, buộc ông Ngô Đức V hoàn trả cho bà Lê Thị L số tiền 5.645.000 đồng (Năm triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Ngô Đức V và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị di sản được hưởng là 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Ông Ngô Đức V không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại cho ông V số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000029 ngày 30/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND, VKSND, THA cấp sơ thẩm;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, Toà DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Quang